

Số: 1834/QĐ-UBND

Hương Trà, ngày 06 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng
xã Hương Bình, thị xã Hương Trà đến năm 2040**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 29 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 7 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về việc Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính Trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch - kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của UBND thị xã Hương Trà về việc phê duyệt về Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hương Bình, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết 27/NQ-HĐND ngày 05/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Hương Bình về nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Bình, thị xã Hương Trà đến năm 2040;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 1636/TTr-QLĐT và Báo cáo thẩm định số 1635/TĐ-QLĐT ngày 06 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Hương Bình, thị xã Hương Trà đến năm 2040 với nội dung chính được nêu tại Nhiệm vụ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND thị xã; Trưởng phòng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Tài nguyên & Môi trường, Quản lý đô thị, Văn hóa - Thông tin, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và xã hội; Chủ tịch UBND xã Hương Bình và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND thị xã;
- VP: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, QLĐT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Duy Hùng

NHIỆM VỤ**Quy hoạch chung xây dựng****xã Hương Bình, thị xã Hương Trà đến năm 2040**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 06/12/2022
của UBND thị xã Hương Trà)*

1. Tên nhiệm vụ quy hoạch: Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Bình, thị xã Hương Trà đến năm 2040.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới:

- Vị trí: Xã Hương Bình nằm về phía Tây Nam thị xã Hương Trà, cách trung tâm thị xã khoảng 15 km và cách trung tâm thành phố 23 km về hướng Tây.

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Đông giáp phường Hương Hồ, xã Hương Thọ - thành phố Huế;

+ Phía Tây giáp phường Hương Vân - thị xã Hương Trà;

+ Phía Bắc giáp phường Hương Xuân, phường Hương Vân, phường Hương Chũ - thị xã Hương Trà;

+ Phía Nam giáp xã Bình Tiên - thị xã Hương Trà.

3. Quy mô lập quy hoạch:

- Quy mô diện tích: tổng diện tích tự nhiên khoảng 6.293,72 ha.

- Quy mô dân số:

+ Dân số hiện trạng năm 2021: 3.494 người.

+ Dân số quy hoạch đến năm 2040: 5.500 người.

4. Mục tiêu:

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành trong đồ án quy hoạch nông thôn mới cấp xã.

- Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng công trình công cộng, quỹ đất về hạ tầng kỹ thuật và quỹ đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp nhằm đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả, gắn kết giữa hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng đến năm 2040.

- Thiết lập công cụ quản lý, kiểm soát không gian trên địa bàn xã, làm cơ sở để hướng dẫn, quản lý trong quá trình thực hiện các dự án, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển kinh tế xã hội, quản lý và phát triển các khu dân cư nông thôn, các khu vực phát triển công nghiệp, du lịch, ... và hệ thống các công trình chuyên ngành đến năm 2040.

- Gắn kết chặt chẽ với Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn xã để phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

5. Tính chất:

- Là khu vực liên kết vùng, kết nối các xã của thuộc thị xã Hương Trà theo tuyến đường tỉnh lộ 16.

- Là khu vực có tiềm năng phát triển dịch vụ - du lịch, trồng cây ăn trái, trồng rừng và dược liệu, khai thác vật liệu xây dựng.

- Là khu vực đầu tư đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; gắn với không gian cảnh quan vùng núi thích nghi với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

6. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật chủ yếu:

- Chỉ tiêu về sử dụng đất:

Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)
Đất xây dựng công trình nhà ở	≥25
Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	≥5
Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	≥5
Cây xanh công cộng	≥2

Chú thích: Không bao gồm đất để bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp quốc gia, tỉnh, huyện.

- Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu QH
1	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt	L/người/ng.đ	≥60
2	Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt	kw/người. năm	150
3	Tiêu chuẩn thoát nước thải	% cấp nước SH	≥80
4	Lượng rác thải bình quân	kg/người-ngày	0,8
5	Nghĩa trang	ha/1.000 người	0,04

- Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật khác tuân thủ QCVN 07:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành khác có liên quan.

7. Các yêu cầu về nội dung quy hoạch:

Nội dung quy hoạch cần bám sát theo yêu cầu của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định về việc hướng dẫn về quy hoạch nông thôn, trong đó tập trung nghiên cứu các vấn đề sau:

a. Phân tích, đánh giá về điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường; hiện trạng xây dựng và sử dụng các công trình.

b. Xác định các tiềm năng, động lực phát triển; dự báo về phát triển kinh tế, quy mô dân số, đất xây dựng; xác định chỉ tiêu đất đai, hạ tầng kỹ thuật toàn xã.

c. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã:

- Xác định cơ cấu phân khu chức năng (khu vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khu dân cư mới, khu vực làng xóm cũ cải tạo, khu trung tâm xã) và định hướng phát triển các khu vực;

- Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, xác định quy mô, chỉ tiêu sử dụng đất đối với từng thôn xóm, khu làng nghề, khu sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp;

- Định hướng hệ thống công trình công cộng, xây dựng nhà ở, bảo tồn công trình văn hóa lịch sử.

- Xác định vị trí các khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn gồm/hoặc các chức năng sản xuất công nghiệp (chủ yếu là chế tạo nông cụ, công nghiệp chế biến gắn với các vùng sản xuất chuyên canh); thương mại (chuyên doanh bán buôn nông sản và vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi); về dịch vụ sản xuất nông nghiệp, tập trung phát triển các lĩnh vực (khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng, chuyển đổi số), dịch vụ thị trường (phân tích, dự báo thị trường; thông tin thị trường, xúc tiến thương mại; quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng; bảo hiểm rủi ro, phòng chống thiên tai; bảo vệ môi trường). Ưu tiên hỗ trợ nhóm sản phẩm đặc sản địa phương được xác định tại Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

d. Dự kiến sử dụng đất xây dựng toàn xã theo yêu cầu phát triển của từng giai đoạn.

đ. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ dân cư và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất gồm: Chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, cấp năng lượng (điện, khí đốt), chiếu sáng, hạ tầng viễn thông thụ động, cấp nước, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang.

e. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng, xác định các vấn đề môi trường chính tại khu vực lập quy hoạch;

- Dự báo tác động và diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã;

- Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện.

g. Dự kiến các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư; sơ bộ nhu cầu vốn và nguồn lực thực hiện.

8. Thành phần hồ sơ, sản phẩm:

TT	Tên bản đồ	Tỷ lệ	Bản vẽ màu	Hồ sơ thu nhỏ

TT	Tên bản đồ	Tỷ lệ	Bản vẽ màu	Hồ sơ thu nhỏ
A	Phần bản vẽ			
1	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng	Tỷ lệ thích hợp	x	x
2	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, đánh giá đất xây dựng	1/5.000	x	x
3	Bản đồ hiện trạng HTKT và HTKT phục vụ sản xuất	1/5.000	x	x
4	Bản đồ định hướng phát triển không gian toàn xã	1/5.000	x	x
5	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất	1/5.000	x	x
6	Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật	1/5.000	x	x
7	Bản đồ quy hoạch hệ thống HTKT phục vụ sản xuất	1/5.000	x	x
B	Phần văn bản			
1	Thuyết minh tổng hợp và các văn bản pháp lý có liên quan			
2	Dự thảo Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã			
3	Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xã			
4	Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã			

- Số lượng hồ sơ gồm: 09 bộ màu (cho mỗi loại tỷ lệ bản đồ) kèm theo đĩa CD chứa toàn bộ nội dung đồ án quy hoạch.

- Nội dung và quy cách hồ sơ tuân thủ theo các quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Quy định về việc hướng dẫn về quy hoạch nông thôn.

- Đối với việc cập nhật CSDL hiện trạng và đồ án quy hoạch trên vào cơ sở dữ liệu GIS Hue; Chủ đầu tư thực hiện các nội dung được quy định tại Điều 11 của Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 08/7/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định thu thập, cập nhật, quản lý, tích hợp, khai thác và sử dụng dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh và các quy định khác có liên quan.

9. Kinh phí lập quy hoạch:

a) Nguồn vốn: Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022.

b) Dự toán kinh phí:

Tổng dự toán: **280.250.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong đó:

Chi phí lập đồ án quy hoạch:	178.913.000 đồng
Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch:	25.150.000 đồng
Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch:	4.573.000 đồng
Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch:	20.006.000 đồng
Chi quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	17.241.000 đồng
Chi phí công bố quy hoạch	5.000.000 đồng
Chi phí lấy ý kiến cộng đồng	5.000.000 đồng
Chi phí phản biện	4.879.000 đồng
Chi phí tích hợp cơ sở dữ liệu GisHue	17.891.000 đồng
Chi phí quyết toán	1.597.000 đồng

10. Tiến độ thực hiện:

Hoàn thành phê duyệt quy hoạch trước ngày **31/12/2022**.

11. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà
- Cơ quan thẩm định: Phòng Quản lý đô thị thị xã.
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND xã Hương Bình.
- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Theo quy định pháp luật./.